

BỘ THƯƠNG MẠI-ỦY
BAN DÂN TỘC VÀ MIỀN
NÚI-BỘ TÀI CHÍNH-BỘ
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 11/1998/TTLT/BTM-
UBDTMN-BTC-BKH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 1998

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định 20/1998-NĐ-CP ngày 31/3/1998

Căn cứ Nghị định 20/1998-NĐ-CP ngày 31-3-1998 của Chính phủ về "phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc", Liên Bộ Thương mại và Ủy ban Dân tộc và Miền núi - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về: xây dựng chợ và cửa hàng thương mại Nhà nước; trợ giá, trợ cước; doanh nghiệp nhà nước hoạt động thương mại ở miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc; quản lý vốn dự trữ các mặt hàng chính sách như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

1. Những địa bàn sau đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 20/1998/NĐ-CP:

1.1. Miền núi: bao gồm các tỉnh miền núi vùng cao, các tỉnh có huyện miền núi, các tỉnh có xã miền núi, do Ủy ban Dân tộc và Miền núi quy định tại Quyết định số 21 UB-QĐ ngày 4 tháng 1 năm 1993, Quyết định số 33 UB-QĐ ngày 4 tháng 6 năm 1993, Quyết định số 08 UB-QĐ ngày 4 tháng 3 năm 1994, Quyết định số 64 UB-QĐ ngày 26 tháng 8 năm 1995, Quyết định số 68 UB-QĐ ngày 6 tháng 9 năm 1997 về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao.

1.2. Hải đảo: theo quy định của Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

1.3. Vùng đồng bào dân tộc: Ủy ban Dân tộc và Miền núi có hướng dẫn sau:

1.4. Khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc: Căn cứ trình độ phát triển ở từng vùng, theo 3 khu vực (I, II, III) miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc được quy định tại Quyết định số 42 UB-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 1997 và số 21/1998/QĐ-UBDTMN ngày 25-2-1998 về việc công nhận ba khu vực.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh địa bàn và khu vực thì áp dụng theo quy định của Ủy ban Dân tộc và miền núi.

2. Đối tượng:

2.1. Đối tượng được hưởng các chính sách bán các mặt hàng trợ giá trợ cước: nhân dân sinh sống và hoạt động (bao gồm cả công nhân viên chức, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang) trên địa bàn quy định tại mục I.1. Thông tư này.

2.2. Đối tượng hưởng chính sách trợ cước tiêu thụ sản phẩm: thương nhân hoạt động thương mại ở địa bàn quy định tại mục I.1 Thông tư này, tiêu thụ các sản phẩm (trong danh mục sản phẩm được Thủ tướng Chính phủ quy định) do đồng bào ở các vùng này sản xuất ra.

2.3. Thương nhân: Mọi chủ thể kinh doanh (thể nhân hoặc pháp nhân) không phân biệt thành phần kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân) có đăng ký kinh doanh, thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại và các hoạt động xúc tiến thương mại trên thị trường miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc, nhằm mục đích lợi nhuận đều là thương nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định 20/1998/NĐ-CP.

Những hoạt động thương mại của thương nhân dưới đây cũng thuộc diện điều chỉnh của Nghị định 20/1998/NĐ-CP:

Thương nhân có trụ sở chính và đăng ký kinh doanh không thuộc địa bàn miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc, song những hoạt động thương mại được diễn ra trên từng khu vực (I, II, III) ở miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

Thương nhân có trụ sở chính và đăng ký kinh doanh ở một trong các khu vực (I, II, III) song những hoạt động thương mại diễn ra trên các khu vực khác thuộc vùng miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

Thương nhân được hưởng các chính sách ưu đãi khi có chứng từ hoá đơn, sổ kế toán thể hiện rõ ràng kết quả kinh doanh ở từng khu vực và đã đăng ký với các cơ quan liên quan (thuế, ngân hàng, địa chính...).

II. XÂY DỰNG CHỢ, CỬA HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC HOẶC HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ở TRUNG TÂM CỤM XÃ CỦA TỪNG KHU VỰC

1. Đối với khu vực III: Chợ và cửa hàng thương nghiệp hoặc hợp tác xã thương mại dịch vụ thuộc chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao theo Quyết định 35/TTg ngày 13-1-1997 của Thủ tướng Chính phủ thì thủ tục trình tự và nguồn vốn để xây dựng như sau:

Nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ ngân sách nhà nước (Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các tổ chức quốc tế tài trợ), ngoài ra khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự nguyện góp vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh mở rộng trao đổi hàng hoá và huy động lao động nghĩa vụ công ích theo quy định của pháp luật.

Sở Thương mại căn cứ vào quy hoạch xây dựng các trung tâm cụm xã thuộc khu vực III (vùng núi cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn) của tỉnh, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan lập kế hoạch hàng năm gửi Sở Kế hoạch Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Khi mỗi dự án xây dựng trung tâm cụm xã được bố trí kế hoạch đầu tư, chủ dự án có trách nhiệm ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng chợ, Cửa hàng thương nghiệp nhà nước hoặc hợp tác xã thương mại dịch vụ ngay trong bước 1 của mỗi dự án, thông báo cho Sở Thương mại và các ban ngành liên quan để phối hợp tổ chức thực hiện.

2. Đối với khu vực II: Chợ và cửa hàng thương nghiệp hoặc hợp tác xã thương mại dịch vụ chưa thuộc chương trình xây dựng trung tâm cụm xã theo Quyết định 35/TTg ngày 13/1/1997 của Thủ tướng Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét các điều kiện sau đây để quyết định đầu tư từ ngân sách địa phương xây dựng với quy mô thích hợp:

Chợ, cửa hàng phải nằm trong tổng sơ đồ quy hoạch xây dựng trung tâm cụm xã của tỉnh được duyệt.

Có yêu cầu bức xúc hình thành chợ để ổn định đời sống, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tiểu vùng, phát triển sản xuất hàng hoá nhằm đẩy mạnh giao lưu hàng hoá và sinh hoạt văn hoá của nhân dân các xã trong tiểu vùng, giữa tiểu vùng với các vùng khác.

Sở Thương mại căn cứ tình hình cụ thể, phối hợp với các ngành hữu quan lập kế hoạch hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ghi vốn đầu tư. Căn cứ dự án được duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định chủ đầu tư xây dựng chợ, cửa hàng thương nghiệp nhà nước hoặc hợp tác xã thương mại dịch vụ.

3. Đối với khu vực I: Chợ và cửa hàng thương nghiệp ở thành phố, thị xã, thị trấn và các trục giao thông liên tỉnh, liên huyện: ở địa bàn này đã có đường giao thông tương đối thuận tiện, kinh tế xã hội đã có sự phát triển nhất định thì nguồn vốn đầu tư để xây dựng phải thực hiện phương châm "Nhà nước và người kinh doanh cùng làm".

Nhà nước hỗ trợ một phần ngân sách đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng của chợ như san ủi mặt bằng, điện, cấp thoát nước, hệ thống vệ sinh...

Người kinh doanh góp vốn để xây dựng các công trình kiến trúc nơi bán hàng: Ki ốt, quầy bán hàng, đình chợ và được sử dụng diện tích kinh doanh trong chợ theo quy định trong hợp đồng góp vốn giữa người kinh doanh với cơ quan quản lý chợ

Huy động từ nguồn vốn tín dụng trung hoặc dài hạn với lãi suất ưu đãi (kể cả quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia).

Khuyến khích đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T) theo Thông tư số 12/BKH-QLKT ngày 27-8-1997 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Thương mại căn cứ quy hoạch phát triển chợ, xây dựng dự án phát triển từng loại chợ ở khu vực này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định.

4. Sở Thương mại thực hiện chức năng quản lý chuyên ngành đối với hoạt động chợ theo Thông tư 15-TM/CSTTTN ngày 16-10-1996 của Bộ Thương mại. Việc quản lý chợ về mặt hành chính theo quy định về phân cấp quản lý chợ tại mục II Thông tư số 15/TM-CSTNTN ngày 16/10/1996 của Bộ Thương mại.

III. TRỢ GIÁ TRỢ CƯỚC ĐỂ BÁN CÁC MẶT HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, MUA MỘT SỐ SẢN PHẨM SẢN XUẤT Ở MIỀN NÚI, HẢI ĐẢO VÀ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC

1. Đối tượng quy định tại mục I.2.1 được mua tại trung tâm cụm xã (đối với các mặt hàng trợ cước đến trung tâm cụm xã) hoặc tại trung tâm huyện (đối với các mặt hàng trợ cước vận

chuyên đến trung tâm huyện) quy định trong Nghị định 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998, với giá tương đương giá bán các mặt hàng cùng loại ở thị xã tỉnh lỵ, đúng quy cách, chất lượng, ưu tiên khu vực III và khu vực II có nhiều khó khăn. Đối với các tỉnh chỉ có xã miền núi (tỉnh không có huyện miền núi) thì chỉ thực hiện trợ giá, trợ cước chuyển đổi với muối i ốt, giống cây trồng; trợ cước vận chuyển các mặt hàng: dầu lửa thấp sáng, giấy viết học sinh, thuốc chữa bệnh; thực hiện trợ cước vận chuyển từ trung tâm cụm xã đến thị xã của tỉnh để mua một số sản phẩm sản xuất tại các xã này (theo danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ).

2. Các mặt hàng được trợ giá trợ cước vận chuyển để bán, cự ly trợ cước vận chuyển, nguyên tắc xác định giá bán lẻ và đơn giá trợ giá trợ cước theo quy định tại các Điều 12, 14, 16 của Nghị định 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 20/1998/NĐ-CP của Ban Vật giá Chính phủ.

3. Các mặt hàng được trợ cước vận chuyển để mua sản phẩm do đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc sản xuất ra: Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ban ngành có liên quan căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ lựa chọn sản phẩm gửi cho Ủy ban Dân tộc Miền núi, Bộ Thương mại tổng hợp.

Ủy ban Dân tộc và Miền núi chủ trì phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các bộ ngành hữu quan, tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục sản phẩm mua được trợ cước trong từng thời gian.

4. Định mức cung ứng hàng hoá để tính kinh phí trợ giá trợ cước vận chuyển:

4.1. Muối i ốt: 5 kg/người/năm. 4.2. Dầu hoả: 3 lít/người/năm.

4.3. Giấy viết học sinh (hoặc vở): 1,5 kg/học sinh/năm (bằng 12 tập giấy kẻ ngang hoặc lượng vở học sinh tương ứng).

4.4. Thuốc chữa bệnh: 10.000đ/người/năm. Theo danh mục cụ thể do Bộ Y tế quy định

4.5. Phân bón: 100 kg/1ha đất canh tác/năm, bao gồm cả phân bón hữu cơ vi sinh do địa phương sản xuất.

4.6. Thuốc trừ sâu: 0,12 kg/ha đất canh tác/năm. Theo danh mục do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định.